



GLC UDT 10W-30

Dầu truyền động thủy lực

Giới Thiệu:

Dầu truyền động thủy lực GLC UDT 10W-30 là dầu truyền động thủy lực chất lượng cao, được pha chế từ dầu gốc kết hợp với hệ phụ gia chọn lọc, nhằm đáp ứng yêu cầu làm việc của bộ biến mô và hộp số thủy lực trong các thiết bị công trình và công nghiệp nặng.

Sản phẩm được thiết kế để đảm bảo truyền mô-men hiệu quả, vận hành êm, ổn định nhiệt và chống tạo bọt tốt, phù hợp cho các hệ truyền động thủy lực.

• Đặc điểm

- Khả năng truyền mô-men thủy động hiệu quả.
- Độ ổn định độ nhớt cao, hạn chế suy giảm do lực cắt. Chống tạo bọt và thoát khí nhanh, giúp hệ thống làm việc ổn định.
- Khả năng chống oxy hóa tốt, hạn chế sạm dầu và tạo cặn.
- Bảo vệ mài mòn ở mức phù hợp cho bánh răng, trục và ổ trượt.
- Tách nước tốt, giảm nguy cơ ăn mòn trong điều kiện làm việc khắc nghiệt.

Dầu truyền động thủy lực GLC UDT 10W-30 đáp ứng tốt các tiêu chuẩn:

- Ford M2C 134D
- Case New Holland MAT 3525 & 3526
- John Deere J20C
- Massey Ferguson CMS M1143, 1135 & 1145
- ZF TE ML 03E & 05E
- KUBOTA UDT
- API GL-4
- Volvo WB101...

• Ứng dụng

Sản phẩm được khuyến nghị sử dụng cho:

- Bộ biến mô thủy lực.
- Hộp số thủy lực.
- Hệ truyền động thủy lực của:
 - + Máy xúc, máy ủi, xe nâng, xe công trình.
 - + Thiết bị công nghiệp sử dụng truyền động thủy lực.

• Điều kiện bảo quản

- Bảo quản nơi có mái che, tránh ánh nắng trực tiếp hay nơi có nhiệt độ cao.
- Tránh xa các tia lửa điện và các vật liệu cháy.

• Sức khỏe – Môi trường

- Ở điều kiện bình thường, dầu không chứa các chất độc nguy hại, nguy hiểm.
- Tránh tiếp xúc trong thời gian dài và thường xuyên với dầu đã qua sử dụng.
- Dầu thải phải xử lý đúng nơi quy định, không thải trực tiếp ra môi trường.

• Bao bì

- Sản phẩm được đóng trong xô 20 lít và phuy 200 lít.

Bảng dữ liệu sản phẩm



GLC UDT 10W-30

Dầu truyền động thủy lực

• Bảng tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	UDT 10W-30
1	Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	5.5-7.5
2	Chỉ số độ nhớt, Min	ASTM D2270	100
3	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, °C, Min	ASTM D92	220
4	Nhiệt độ đông đặc, °C, Max	ASTM D97	-20
5	Khối lượng riêng ở 20°C, kg/l	ASTM D1298	0.84 – 0.87

Thông số kỹ thuật trên mang tính chất trung bình, có thể điều chỉnh để phù hợp với quy chuẩn của GLC.
Nên tham khảo ý kiến tư vấn từ đại diện của GLC.